TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-ST.
Ngày: 15/10/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị N - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/10/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 74 /TLST- DS ngày 02/7/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-DS ngày 24/9/2021 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Nội Quan, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Văn P, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Gia Cao, thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Nội Quan, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Gia Cao, thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Ngô Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và bạn bè với nhau nên anh đã cho anh P vay số tiền 190.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập " Hợp đồng vay tiền" và chụp ảnh lúc vợ anh là chị Ngô Thị N đưa tiền cho anh P. Theo đó anh P vay anh số tiền nợ gốc là 190.000.000đồng; về lãi suất: trong " Hợp đồng vay tiền" không thể hiện lãi suất vay nhưng trên thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng; Thời hạn vay là từ 20/6/2019 đến 20/10/2019 (âm lịch); mục đích vay: để trả nợ nhưng anh P nợ ai thì anh không biết. Trong " Hợp đồng vay

tiền" có ghi anh P thế chấp 01 sổ đỏ nhưng trên thực tế anh P không đưa cho anh sổ đỏ nào cả. Khi anh P vay tiền của anh thì chị H vợ anh P có biết không anh không biết. Chị H không xuống gia đình anh để hỏi vay tiền và không cầm tiền từ gia đình anh. Quá trình trả nợ anh P không trả cho anh được tiền nợ gốc và lãi. Đến thời hạn trả nợ mặc dù anh đã đòi nhiều lần nhưng anh P không trả. Nay anh chỉ yêu cầu một mình anh Ngô Văn P phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 190.000.000đ và tiền nợ lãi theo lãi suất 1%/năm kể từ ngày vay đến nay. Trong quá trình làm việc tại Tòa án anh M tự nguyện xin rút yêu cầu Tòa án buộc anh M phải trả tiền lãi là 1%/ 1 tháng cho số tiền đã vay của anh.

Bị đơn là anh Ngô Văn P trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 20/6/2019 anh có vay của anh Hoàng Văn M số tiền nợ 190.000.000 đồng là đúng. Khi vay hai bên có lập " Hợp đồng vay tiền". Theo đó anh có vay anh M số tiền nợ gốc là 190.000.000đồng; về lãi suất: trong " Hợp đồng vay tiền" không thể hiện lãi suất, trong thực tế anh cũng không trả lãi cho anh M; Thời hạn vay là từ 20/6/2019 đến 20/10/2019 (âm lịch); mục đích vay: để trả nợ khoản nợ riêng của anh. Trong " Hợp đồng vay tiền" có ghi anh thế chấp 01 sổ đỏ nhưng trên thực tế anh không đưa cho anh M sổ đỏ nào cả. Khoản tiền vay anh M là khoản nợ riêng của anh, không liên quan đến vợ anh là chị Ngô Thị H. Nay vợ chồng anh Mười khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền nợ gốc là 190.000.000đ và lãi suất là 1% kể từ ngày vay đến nay thì anh xác định anh đồng ý trả cho vợ chồng anh M khoản tiền nợ gốc 190.000.000đ nhưng anh không đồng ý trả lãi vì anh xác định khoản vay không có lãi và từ trước đến nay anh cũng không trả lãi cho anh M. .....***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Chị Ngô Thị N xác nhận anh Ngô Văn P có vay tiền của vợ chồng số tiền 190.000.000đ như anh M trình bày là đúng. Nay chị yêu cầu anh P phải trả cho vợ chồng chị số tiên nợ gốc là 190.000.000 đồng. Ngoài ra các vấn đề khác chị đồng ý với ý kiến của anh M.

Chị Ngô Thị H mặc dù đã được tòa án tống đạt văn bản hợp lệ và triệu tập nhiều lần nhưng không gửi văn bản, ý kiến của mình lên Tòa án cũng không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là anh M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là anh P đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; 35, 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M buộc anh Ngô Văn P phải trả cho vợ chồng anh Hoàng Văn M và chị Ngô Thị N số tiền 190.000.000 đồng.

Về án phí: anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh M.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Hoàng Văn M và anh Ngô Văn P được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Ngô Văn P có hộ khẩu tH trú tại thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là có căn cứ. Anh Ngô Văn P và chị Ngô Thị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[2.] Về nội dung vụ án: Anh M yêu cầu cá nhân anh P phải trả cho anh M 190.000.000đ tiền gốc đã vay và rút yêu cầu tính lãi, việc rút yêu cầu của anh M không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận và đình chỉ với yêu cầu này của anh M là có căn cứ. Trong các biên bản làm việc tại Tòa án anh P nhất trí với yêu cầu đòi tiền của anh M nhưng anh có nguyện vọng được trả dần cho anh M do hoàn cảnh khó khăn. Vì thế, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M và buộc anh P phải trả cho vợ chồng anh M 190.000.000đ là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả anh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; 244; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn M.

Buộc anh Ngô Văn P phải có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Văn M và chị Ngô Thị N số tiền nợ còn thiếu là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành có có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Ngô Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả bà anh Hoàng Văn M số tiền 4.750.000đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0000725 ngày 02/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hương Lan